

Một số định hướng ưu tiên thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn ở tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026-2030 nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng hai con số¹

Vũ Hùng Cường^(*)

Tóm tắt: Dự thảo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam đặt ra mục tiêu tăng trưởng hai con số cho giai đoạn 2026-2030 nhằm đưa Việt Nam bứt ra khỏi bẫy thu nhập trung bình. Trong bối cảnh trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương không đồng đều, đa số các tỉnh còn phụ thuộc lớn vào ngân sách nhà nước, gánh nặng tăng trưởng được giao trọng trách cho một số địa phương chủ lực, trong đó có tỉnh Quảng Ninh. Điều này đặt ra yêu cầu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phải phát huy vai trò đột phá quan trọng hàng đầu để đưa tỉnh Quảng Ninh phát triển tăng tốc, bứt phá, bền vững, giàu mạnh trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc.

Từ khóa: Khoa học và công nghệ, Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi số, Tăng trưởng hai con số, Quảng Ninh

Abstract: The draft document of the 14th National Party Congress sets a double-digit growth target to help Vietnam escape the middle-income trap. In the context of uneven socio-economic development levels among localities, most provinces still depend heavily on the state budget, the burden of growth is assigned to a number of key localities, including Quang Ninh province. This requires science, technology, innovation and digital transformation to play a leading and important breakthrough role to help Quang Ninh province develop rapidly, sustainably and strongly in the new era of national development.

Keywords: Science and Technology, Innovation, Digital Transformation, Double-digit Growth, Quang Ninh Province

Ngày nhận bài: 18/12/2025; Ngày duyệt đăng: 28/01/2026

¹ Bài viết là sản phẩm của Nhiệm vụ khoa học và công nghệ “Nghiên cứu xây dựng định hướng ưu tiên, xác định nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030” do TS. Hà Huy Ngọc chủ nhiệm, Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới chủ trì thực hiện.

^(*) PGS.TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: vuhungcuong07@gmail.com

1. Mở đầu

Dự thảo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra mục tiêu “phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân cho giai đoạn 2026-2030 từ 10%/năm trở lên” (Ban Chấp hành Trung ương, 2025: 20). Đây là mục tiêu rất cao với mong muốn đưa Việt Nam thoát ra khỏi bẫy thu nhập trung bình. Trong bối cảnh trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương còn chênh lệch lớn, theo đó, đa số các tỉnh còn gặp khó khăn và phụ thuộc nhiều vào ngân sách nhà nước, chỉ có một số ít tỉnh, thành phố phát huy được các lợi thế địa kinh tế và tranh thủ được các cơ hội do công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế đem lại, có những bước phát triển mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, trở thành các cực tăng trưởng, đầu tàu dẫn dắt phát triển của vùng, cũng như nhận trọng trách “gánh đỡ” chỉ tiêu tăng trưởng cho các địa phương kém phát triển hơn. Trường hợp tỉnh Quảng Ninh là minh chứng cho điều này.

Tỉnh Quảng Ninh có những lợi thế phát triển quan trọng, đặc biệt là vị trí địa chiến lược về chính trị, kinh tế, quân sự và đối ngoại; có lợi thế lớn về tài nguyên thiên nhiên, về độ mở của nền kinh tế, về các di sản lịch sử - văn hóa; đi đầu trong đổi mới tư duy quản lý, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Tỉnh đã đạt được nhiều thành tựu trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế hướng tới mô hình tăng trưởng xanh, phát triển các ngành có thế mạnh của địa phương, đồng thời xử lý những vấn đề xung đột trong yêu cầu phát triển bền vững, sử dụng đầu tư công để thu hút đầu tư tư nhân xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông và các công trình kinh tế quan trọng làm nền tảng và lan tỏa phát triển, phát huy các lợi thế động và tĩnh của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, mô hình tăng trưởng và phát

triển kinh tế của tỉnh Quảng Ninh không thể đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng hai con số nếu không có những nhân tố tạo nên các động lực tăng trưởng mới. Các nhân tố được nhận diện chính là khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Các chương trình, kế hoạch của tỉnh Quảng Ninh (như: Chương trình số 46-Ctr/TU ngày 15/01/2025 của Tỉnh ủy Quảng Ninh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 24/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia) đặt ra yêu cầu phải xác định được khung định hướng ưu tiên các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) nói chung và trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn nói riêng cho giai đoạn 2026-2030, để đảm bảo cung cấp các cơ sở khoa học cho việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Một số kết quả thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 (giai đoạn 2022-2025) của tỉnh Quảng Ninh và các vấn đề đặt ra

Báo cáo Sơ kết thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 (giai đoạn 2022-2025) của tỉnh Quảng Ninh (Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Ninh, 2025) cho thấy: giai đoạn 2022-2025 và đặc biệt là năm 2025, tỉnh Quảng Ninh đã chú trọng ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, tạo hành lang pháp lý để triển khai các hoạt động KH&CN, đổi mới sáng tạo, cụ thể là:

- Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về Quy định định mức lập dự toán và mức chi kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

- Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước và mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học, công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh;

- Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

- Nghị quyết số 57/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về chính sách thu hút, hỗ trợ nhân lực trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025-2030;

- Quyết định số 624/2025/QĐ-UBND ngày 09/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ủy quyền thực hiện một số nội dung quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 09/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định xét, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến, hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài KH&CN, đề án khoa học, công trình KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

- Quyết định số 41/2025/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phân cấp một số nội dung trong quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp

tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh;

- Quyết định số 44/2025/QĐ-UBND ngày 16/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; cơ chế giám sát, đánh giá và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực KH&CN thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh.

Như vậy, có thể thấy rằng, kết quả đạt được chủ yếu của giai đoạn 2022-2025 là hoàn thiện được khung khổ pháp lý cơ bản đầy đủ để đặt hàng và triển khai các nhiệm vụ KH&CN, thúc đẩy thu hút đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Số lượng công trình KH&CN không nhiều, hầu như không có biến động rõ rệt trong giai đoạn 2022-2025 (với 03 công trình năm 2022, 06 công trình năm 2023, 03 công trình năm 2024 và 02 công trình năm 2025); không có sản phẩm công nghệ cao, cho thấy còn thiếu nhiều ý tưởng nghiên cứu KH&CN được đề xuất và được chấp thuận triển khai. Số lượng doanh nghiệp KH&CN còn ít, chỉ tăng từ 24 doanh nghiệp năm 2022 lên 35 doanh nghiệp năm 2025, trong khi đó, số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có bức tranh sáng sủa hơn, tăng từ 404 doanh nghiệp năm 2022 lên 430 doanh nghiệp năm 2025. Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo còn chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng số doanh nghiệp địa phương, chỉ từ 3,5% năm 2022 tăng nhẹ lên 4,5% năm 2025, đặt ra yêu cầu phải có những cơ chế, chính sách thúc đẩy, hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đổi mới sáng tạo để có những biến đổi mạnh về năng lực cạnh tranh, đóng góp cho tăng trưởng. Mặc dù số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo còn khiêm tốn nhưng do tỉnh Quảng Ninh có sự đầu tư mạnh cho KH&CN (tăng từ 68,27 tỷ đồng năm 2022 lên 80,68 tỷ đồng năm 2023, sau đó tăng mạnh lên 112,48 tỷ đồng năm 2024

và ước tính 135 tỷ đồng năm 2025), nên đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế địa phương (%) luôn đạt trên 50% hằng năm (Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Ninh, 2025). Điều này cho thấy tỉnh Quảng Ninh còn dư địa rất lớn cho tăng trưởng kinh tế nếu gia tăng áp dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực kinh tế, lấy chuyên đổi số làm nền tảng, lấy doanh nghiệp làm chủ thể chính, đặt ra yêu cầu cần xác định rõ hơn các định hướng nghiên cứu ưu tiên và các nhiệm vụ KH&CN ưu tiên nhằm cụ thể hóa Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 của tỉnh, góp phần hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng hai con số.

3. Định hướng ưu tiên và các nhiệm vụ ưu tiên trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

Báo cáo Sơ kết thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 (giai đoạn 2022-2025) của tỉnh Quảng Ninh (Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Ninh, 2025) đã xác định rõ mục tiêu “phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa tỉnh Quảng Ninh phát triển tăng tốc, bứt phá, bền vững, giàu mạnh trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc”. Trên cơ sở các vấn đề đặt ra và yêu cầu đóng góp cho mục tiêu tăng trưởng hai con số trong giai đoạn 2026-2030, một số định hướng ưu tiên và các nhiệm vụ ưu tiên trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn cần chú trọng triển khai cho giai đoạn 2026-2030 (và tầm nhìn đến năm 2045) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh bao gồm:

3.1. Hướng ưu tiên 1: Hoàn thiện thể chế, xóa bỏ các rào cản cản trở phát triển, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản

lý nhà nước, tạo đột phá thu hút các tập đoàn kinh tế và công nghệ hàng đầu của thế giới và trong nước và nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các ngành, lĩnh vực, địa bàn then chốt, mũi nhọn của tỉnh Quảng Ninh

- Nghiên cứu hoàn thiện thể chế nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của hệ thống chính quyền địa phương hai cấp trong bối cảnh chuyên đổi số.

- Nghiên cứu hoàn thiện thể chế nhằm kiện toàn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương cấp cơ sở trong bối cảnh đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

- Nghiên cứu hoàn thiện thể chế nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, nhất là trên các lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên và bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo đột phá trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công khai, minh bạch, ổn định, xây dựng chính quyền liêm chính, kiến tạo, hành động, phục vụ nhân dân và doanh nghiệp.

- Nghiên cứu hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (cơ chế đầu tư, tài chính, chuyển giao công nghệ,...) trong các ngành, lĩnh vực chủ chốt.

- Nghiên cứu cơ chế đột phá thu hút các tập đoàn kinh tế và công nghệ hàng đầu của thế giới và trong nước¹; đẩy mạnh chuyển

¹ Nghiên cứu đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư lớn, có thương hiệu, thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thế hệ mới từ các đối tác thuộc các nước phát triển; ưu tiên thu hút các ngành, lĩnh vực có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường, có giá trị gia tăng cao.

giao công nghệ, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn FDI.

- Nghiên cứu giải pháp phát triển doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh để đảm trách vai trò là một động lực quan trọng nhất đối với tăng trưởng và phát triển của tỉnh¹.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

- Nghiên cứu cơ chế thu hút các dự án đầu tư công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, sạch, quản trị hiện đại, có quy mô lớn, giá trị gia tăng và sức lan tỏa cao, kết nối với chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

- Nghiên cứu cơ chế hợp tác công - tư trong thu hút đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, hạ tầng đổi mới sáng tạo, hạ tầng số; trong các hoạt động dịch vụ công (y tế, giáo dục,...).

- Nghiên cứu cơ chế thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các ngành, lĩnh vực, địa bàn then chốt, mũi nhọn.

- Nghiên cứu cơ chế thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới (sandbox).

- Nghiên cứu cơ chế hoạt động của Quỹ đầu tư mạo hiểm.

- Nghiên cứu cơ chế hợp tác nghiên cứu khoa học, công nghệ và chuyển giao

¹ Nghiên cứu cơ chế khuyến khích doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân đầu tư cho KH&CN; khởi nghiệp sáng tạo, khởi nghiệp công nghệ cao; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, đổi mới công nghệ trong sản xuất và quản lý để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của tỉnh; tham gia vào chuỗi cung ứng số khu vực và nền tảng số toàn cầu.

công nghệ giữa các tổ chức nghiên cứu, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

- Nghiên cứu cơ chế hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động kỹ thuật cao giữa các cơ sở đào tạo, tổ chức nghiên cứu, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

3.2. Hướng ưu tiên 2: Đầu tư hoàn thiện hạ tầng kinh tế, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, không gian kinh tế - xã hội - văn hóa, tạo thành các cụm hạ tầng liên kết mạnh, đảm bảo tính liên thông, kết nối, liên kết, chia sẻ cao, phục vụ phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, kinh tế di sản, đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của tỉnh Quảng Ninh

- Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đa phương thức, nhất là hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm cảng biển có tính chuyên môn hóa sâu và đảm bảo tính kết nối cao để tạo thành chuỗi cung ứng, mạng sản xuất, cụm liên kết ngành, đặc biệt ở Khu kinh tế ven biển Quảng Yên, Đặc khu Vân Đồn, Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái,...

- Nghiên cứu ưu tiên đầu tư các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin nhằm xây dựng tỉnh Quảng Ninh trở thành một trong những trung tâm chế biến, chế tạo công nghệ cao²; chuyển đổi, đầu tư mới các khu công nghiệp gắn với kinh tế tuần hoàn như công nghiệp chế biến thủy hải sản, chế biến chế tạo gỗ, nhựa,...

- Nghiên cứu hình thành các khu mỏ sản xuất than sạch, các khu mỏ đóng gắn với điểm đến du lịch trải nghiệm.

² Nghiên cứu xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung của tỉnh Quảng Ninh tại Tuần Châu (Hạ Long ICT Park) theo mô hình Trung tâm đổi mới sáng tạo (Innovation Hub), tập trung vào nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

- Nghiên cứu hình thành các cụm không gian di sản thiên nhiên, di sản văn hóa¹, di sản địa chất phục vụ phát triển kinh tế di sản, kinh tế du lịch, kinh tế đêm.

- Nghiên cứu tổ chức lại và khai thác hiệu quả không gian phát triển kinh tế biển bảo đảm hợp lý, khoa học, hài hòa lợi ích và giảm xung đột để tạo không gian và động lực phát triển mới gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và sinh kế ngư dân.

- Nghiên cứu hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), xây dựng chính quyền hiện đại, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của chính quyền địa phương cấp cơ sở.

- Nghiên cứu phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu và ứng dụng AI có tính liên thông theo các ngành dọc và liên ngành trong hệ thống quản lý nhà nước.

- Nghiên cứu xây dựng mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong nâng cấp và hoàn thiện cơ chế hoạt động Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh, đảm bảo an toàn cơ sở dữ liệu hệ thống.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái chuyển đổi số của doanh nghiệp.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển sàn thương mại điện tử của tỉnh hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm địa phương,

kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế, kết nối với nền tảng quốc gia.

3.3. Hướng ưu tiên 3: *Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong các ngành kinh tế, nhất là các ngành chủ lực, trọng điểm, mũi nhọn của tỉnh, phát huy các động lực tăng trưởng truyền thống, thúc đẩy những động lực tăng trưởng mới, phát huy vai trò động lực quan trọng nhất của khu vực kinh tế tư nhân, nâng cao năng lực cạnh tranh tổng thể và của từng ngành, lĩnh vực, đảm bảo tính đột phá, lan tỏa và lôi kéo phát triển trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong các ngành kinh tế chủ lực, mũi nhọn, trọng điểm gắn với các động lực tăng trưởng truyền thống: kinh tế du lịch², kinh tế than, kinh tế biển, kinh tế biên mậu.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong các ngành kinh tế gắn với các động lực tăng trưởng mới: kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, kinh tế di sản³, kinh tế hàng không tầng thấp⁴, kinh tế đêm.

² Nghiên cứu xây dựng nền tảng du lịch thông minh; nghiên cứu phát triển tỉnh Quảng Ninh thành trung tâm kinh tế biển mạnh có tầm quốc tế hàng đầu ở khu vực Đông Nam Á gắn với các khu kinh tế ven biển, đô thị biển - ven biển dạng dài nhằm phát huy hiệu quả các khu kinh tế và vùng du lịch vịnh Hạ Long - Bái Tử Long - Vân Đồn - Cô Tô, trở thành trung tâm du lịch nghỉ dưỡng, giải trí, du lịch di sản thiên nhiên biển đảo có tầm quốc tế.

³ Xây dựng bản đồ số và các nền tảng số, ứng dụng thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) các di sản văn hóa, lịch sử và thiên nhiên của tỉnh Quảng Ninh (vịnh Hạ Long, Yên Tử, các di tích lịch sử, các di sản văn hóa như Đền Cửa Ông,...) để phát triển du lịch thông minh và kinh tế di sản, nâng cao trải nghiệm du lịch, quảng bá thương hiệu di sản Quảng Ninh trên các nền tảng số toàn cầu.

⁴ Nghiên cứu ứng dụng công nghệ hàng không tầng thấp (drone, phương tiện bay không người lái...)

¹ Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số phát triển vịnh Hạ Long trở thành "vịnh Sáng tạo" góp phần nâng cao giá trị Di sản - Kỳ quan; phát triển du lịch khu vực vịnh Bái Tử Long, khu du lịch quốc gia Trà Cổ; xây dựng khu du lịch quốc gia Yên Tử, khu du lịch quốc gia Vân Đồn - Cô Tô.

- Nghiên cứu phát triển ưu tiên các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp mới nổi, công nghiệp chế biến, chế tạo xanh, sạch, công nghệ cao, năng lượng tái tạo, năng lượng mới.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số phát triển ngành công nghiệp chế biến chế tạo (công nghiệp bán dẫn, ô tô, thiết bị năng lượng tái tạo, công nghiệp đường sắt...).

- Nghiên cứu phát triển các năng lượng mới gắn với tiềm năng, thế mạnh và điều kiện tự nhiên của tỉnh Quảng Ninh; chuyển đổi nhiên liệu sang năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, khí thiên nhiên hóa lỏng.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số phát triển đột phá các ngành kinh tế biển, hình thành cụm kinh tế biển đa ngành.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số phát triển các sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh¹; phát triển công nghiệp chế biến nông sản và thủy hải sản trở thành hàng hóa giá trị cao.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số phát triển nông nghiệp sinh thái, nông dân văn minh, nông thôn hiện đại².

trong các lĩnh vực như dịch vụ, logistics, giám sát môi trường và du lịch; thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp công nghệ hàng không trong nước và nước ngoài; thí điểm triển khai các dịch vụ hàng không tầng thấp tại các khu vực trọng điểm.

¹ Rượu mơ Yên Tử, rượu mơ Song Lộc, rượu ba kích Quảng Ninh, rượu ba kích Yên Tử, nước mơ muối Yên Tử, dầu lạc Hải Yên, rượu nếp cái hoa vàng Đông Bề, nước mắm hào hạng Đại Cát, nước mắm nguyên chất Đại Cát, mắm tôm Đại Cát, giấm hoa quả Đại Cát, nước mắm sả sùng Đại Cát, đông trùng hạ thảo tươi Phương Thủy, rượu đông trùng hạ thảo tươi Phương Thủy, đông trùng hạ thảo ngâm mật ong Phương Thủy, rượu nếp trắng Phương Thủy, rượu nếp cái hoa vàng Phương Thủy, bánh đa phở,...

² Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, áp

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong khai thác hiệu quả, bền vững tài nguyên du lịch gắn với phân tầng khách hàng.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong khai thác bền vững tài nguyên di sản phục vụ du lịch, giảm tần suất khai thác gắn với hình thành các sản phẩm du lịch đa dạng, phong phú, có tính kết nối cao.

- Nghiên cứu ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) để dự báo, đánh giá thị trường, nâng cao hiệu quả marketing.

3.4. Hướng ưu tiên 4: Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực bảo đảm mục tiêu tăng trưởng bao trùm lấy con người là trung tâm, bảo đảm phát huy các giá trị đặc thù và bản sắc của địa phương, đảm bảo công bằng xã hội, ổn định xã hội và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ninh

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong phát triển văn hóa, xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh; bảo tồn và phát huy giá trị di sản, các giá trị đặc sắc của văn hóa, dân tộc, tôn giáo trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; xây dựng các câu chuyện có tính truyền thuyết gắn với các di sản, di tích, phục vụ phát triển du lịch và phát triển kinh tế di sản³.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong

dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, Internet vạn vật (IoT). Công nghệ chuỗi khối (Blockchain) trong nông nghiệp, nâng cao uy tín thương hiệu Quảng Ninh trên thị trường quốc tế; ứng dụng công nghệ nuôi trồng thủy sản bền vững, công nghệ nuôi hàu Thái Bình Dương,...

³ Khai thác giá trị của văn học về quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc trong mối liên hệ với văn hóa, lịch sử, du lịch và giáo dục.

đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong đổi mới phương thức quản lý xã hội và quản trị phát triển xã hội bền vững, xử lý các vấn đề xã hội và quan hệ xã hội trong quá trình phát triển, công nghiệp hóa và đô thị hóa, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch vùng miền, nâng cao chất lượng cuộc sống mọi mặt của nhân dân; xây dựng và phát triển xã hội và con người văn minh, hiện đại.

- Nghiên cứu thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong xây dựng đô thị thông minh¹; hệ thống giáo dục thông minh²; hệ thống chăm sóc sức khỏe thông minh; hệ thống an sinh xã hội thông minh; công vụ thông minh³;...

- Nghiên cứu hình thành và phát triển mạng lưới các trung tâm y tế chuyên sâu.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong giám sát và quản lý quy hoạch, đất đai, môi trường, xử lý nước thải và rác thải sinh hoạt và công nghiệp, khai thác tài nguyên.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong nâng cao khả năng thích ứng của cộng đồng đối với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.

3.5. Hướng ưu tiên 5: *Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh*

¹ Hệ thống camera an ninh, camera giao thông thông minh AI.

² Ứng dụng công nghệ AI trong dạy và học, quản lý giáo dục, thư viện số; Thiết kế, xây dựng và thử nghiệm mô hình học tập trải nghiệm STEM tại không gian sân trường nhằm góp phần đổi mới phương pháp dạy học, phát triển năng lực khoa học, công nghệ kỹ thuật cho học sinh phổ thông tỉnh Quảng Ninh;...

³ Ứng dụng AI hỗ trợ công chức xử lý nhiệm vụ công vụ, phục vụ hỏi đáp và giao tiếp công dân,...

vực bảo đảm mối quan hệ giữa phát triển kinh tế gắn với quốc phòng và an ninh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong các ngành kinh tế biển gắn với phát triển hạ tầng đảo, hạ tầng khai thác năng lượng tái tạo, tài nguyên ngoài khơi, nuôi trồng thủy sản và đánh bắt hải sản để trở thành các tuyến phòng thủ “cứng” và “mềm”, “tĩnh” và “động” trong đảm bảo quốc phòng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong phát triển kinh tế hàng không tầm thấp phục vụ du lịch, gắn với bảo đảm quốc phòng và an ninh.

- Nghiên cứu ứng dụng chuyển đổi số trong phát triển du lịch, xây dựng bản đồ trực tuyến các tuyến du lịch và gắn chip thẻ khách du lịch, bảo đảm kiểm soát, điều tiết mức độ tập trung và di chuyển của khách du lịch, góp phần bảo đảm quốc phòng và an ninh.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế biển mạo gắn với bảo đảm quốc phòng và an ninh.

3.6. Hướng ưu tiên 6: *Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh nhằm mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế*

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để phát triển hạ tầng vận tải (đường biển, đường bộ, đường sắt), mạng lưới logistics và dịch vụ tổng hợp hiện đại nhằm đưa tỉnh Quảng Ninh trở thành trung tâm logistics, cửa ngõ trung chuyển vận tải đa phương thức kết nối với Trung Quốc, khu vực Đông Bắc Á và ASEAN.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong phát triển hạ tầng dịch vụ du lịch,

hạ tầng cảng biển đón các tàu khách quốc tế cỡ lớn.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nhằm đẩy mạnh hợp tác quốc tế, thu hút nhà khoa học và chuyên gia nước ngoài trong các lĩnh vực KH&CN, y tế, giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực.

- Nghiên cứu đẩy mạnh hợp tác quốc tế và thu hút FDI công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, xác định một số đối tác quốc tế chiến lược gồm: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc (bao gồm cả Hồng Kông, Đài Loan, Trung Quốc đại lục), Nga... và ưu tiên các lĩnh vực: dịch vụ, du lịch, thương mại, sản xuất, chế biến, chế tạo, logistics, điện tử, bán dẫn, AI, công nghiệp văn hóa; dịch vụ du lịch; công nghệ sinh học; công nghệ thông tin; chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số; công nghệ sản xuất năng lượng tái tạo; nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái; công nghệ nuôi biển;...

4. Kết luận

Quan điểm chỉ đạo trong Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: “xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia là động lực chính” (Ban Chấp hành Trung ương, 2025: 20). Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh khóa XV tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XVI nhấn mạnh nhiệm vụ trọng tâm duy trì đà tăng trưởng kinh tế cao, ổn định 12%/năm trong giai đoạn 2026-2030: “lấy đột phá về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là động lực chính cho phát triển và tạo bút phá mạnh mẽ về năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng thích ứng, chống chịu và sức cạnh tranh của kinh tế địa phương, nhằm phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng” (Tỉnh ủy Quảng Ninh, 2025b). Các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh Quảng Ninh cho thấy tính cấp thiết

phải đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, để đạt được sự thay đổi mạnh về chất trong đóng góp của mỗi ngành, lĩnh vực, chủ thể trong tăng trưởng và phát triển kinh tế, xây dựng xã hội văn minh, hiện đại, nâng cao chất lượng đời sống và hạnh phúc cho nhân dân tỉnh Quảng Ninh □

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, ngày 14/10/2025.
2. Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Ninh (2025), *Báo cáo Sơ kết thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 (giai đoạn 2022-2025)*.
3. Tỉnh ủy Quảng Ninh (2025a), *Chương trình số 46-Ctr/TU ngày 15/01/2025 của Tỉnh ủy Quảng Ninh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
4. Tỉnh ủy Quảng Ninh (2025b), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025-2030*.
5. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2025), *Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 24/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.